

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày: 12-10-2018
V/v: “tranh chấp hợp đồng mua
bán vật liệu xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp
2. Ông Nguyễn Hoàng Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Anh –Kiểm sát viên

Trong ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản; hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 138/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng D, sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ 5, ấp P 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

Chủ cửa hàng vật liệu xây dựng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 52J8003572 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 28/11/2012 do phòng Tài chính kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh An Giang cấp

Ông D ủy quyền cho ông Phạm Thái B, sinh năm: 1971 (theo giấy ủy quyền ngày 22/8/2017)

Nơi cư trú: Ấp HL IV, TT AC, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Thành U , sinh năm 1980 (vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Thanh L, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ 20, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 24/7/2017 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Lê Hoàng D và người đại diện theo ủy quyền ông Lê Hoàng D do ông Phạm Thái B trình bày:**

Vào khoảng tháng 8 năm 2016 giữa ông D với ông U, bà L xác lập hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng tại cửa hàng Hoàng D, do ông Lê Hoàng D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Khi ông D giao vật liệu xây dựng, đều xuất phiếu giao nhận hàng cho phía ông U, bà L ký nhận. Đến ngày 19/9/2016 ông D kết sổ thể hiện qua hóa đơn bán lẻ tổng số tiền ông U, bà L còn nợ ông D số tiền là 21.424.000đ (Hai mươi một triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng). Đến ngày 12/7/2017 ông U, bà L có trả cho ông D được số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) thì ngưng cho đến nay, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, ông Lê Hoàng D yêu cầu vợ chồng ông U, bà L có trách nhiệm liên đới trả số tiền mua vật liệu xây dựng còn nợ, tổng số tiền là 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng) lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 05/10/2016 (ngày bà L trả cho ông D số tiền 1.000.000đ)đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

*** Bị đơn ông Võ Thành U, bà Nguyễn Thị Thanh L trình bày:** Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/9/2017, ngày 16/10/2017 và trong quá trình tố tụng: Ông U và bà L đều xác nhận còn nợ ông Lê Hoàng D số tiền 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng) tiền mua vật liệu xây dựng về cất nhà trọ kinh doanh và đồng ý trả số tiền trên; Nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi dứt số nợ 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng)

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn do ông Phạm Thái B vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về số tiền vốn là 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng) rút lại 01 phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất; Đồng thời, không đồng ý phương thức trả dần của phía đồng bị đơn.

Bị đơn ông Võ Thành U, bà Nguyễn Thị Thanh L vắng mặt không tham gia phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề xuất hướng giải quyết vụ án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi của nguyên đơn buộc bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp; Do đó, bị đơn đã xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định tranh chấp về giao dịch dân sự giữa ông D với ông U, bà L được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng thể hiện giữa ông D với ông U (Đ), bà L có giao dịch mua bán vật liệu xây dựng và mục đích để kinh doanh nhà trọ. Ngoài ra, tại công văn số 1349/CV-TCKH ngày 27/8/2018 của phòng Tài chính –Kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh An Giang phúc đáp công văn số 117/CV-TA ngày 15/8/2018 của Tòa án và cung cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của bà Nguyễn Thị Thanh L giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52J8005595 đăng ký thay đổi lần đầu ngày 24/8/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 tên hộ kinh doanh Nguyên Vương, do bà Nguyễn Thị Thanh L đại diện hộ kinh doanh do phòng Tài chính -Kế hoạch huyện Châu Thành, tỉnh An giang cấp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về kinh doanh, thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự .

Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông U (Đ) , bà L có nơi cư trú tại tổ 20, ấp A, xã A, huyện C, An Giang . Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, An Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Thủ tục ủy quyền: Ông Lê Hoàng D ủy quyền cho ông Phạm Thái B theo văn bản ủy quyền ngày 22/8/2017. Việc ủy quyền này phù hợp với Điều 581 Bộ luật dân sự, phù hợp với quy định tại Điều 562 Bộ luật dân sự 2015. Ông Bình tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền được quy định tại khoản 4 Điều 85 và Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được HĐXX xem xét chấp nhận

Đồng thời, Tòa án có văn bản gửi Tư pháp xã A, huyện C, tỉnh An Giang để xác định mối quan hệ giữa ông U với bà L. Ngày 04/9/2018 tại công văn số 493/UBND-HT phúc đáp công văn Tòa án nội dung thể hiện: Qua tra cứu sổ đăng ký kết hôn do UBND xã quản lý từ năm 1980 cho đến nay thì không tìm thấy họ tên, năm sinh của ông Võ Thành U, bà Nguyễn Thị Thanh L; Tuy nhiên qua thực tế Ông U, L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay.

Có mặt vắng mặt đồng bị đơn: Ông Võ Thành U(Đ), bà Nguyễn Thị Thanh L được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng vẫn vắng mặt. Các thủ tục tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông U, bà L

[2] Về nội dung tranh chấp:

Giữa ông D với ông U(Đ), bà L thực tế có xác lập hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng với nhau; Tại biên bản lấy lời khai ngày khai ông Võ Thành U ngày 15/9/2017, Biên bản hòa giải; biên bản lấy lời khai cùng ngày 16/10/2017 đối với bà Nguyễn Thị Thanh L. Ông U, bà L đều xác nhận có mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Hoàng D ; Mục đích mua vật tư về xây nhà trọ kinh doanh cho công nhân thuê lại; Khi hai bên mua bán có phiếu giao hàng , sau đó kết nợ lại ông U(Đ), bà L còn nợ

ông D số tiền 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng). Do hoàn cảnh khó khăn ông bà xin trả dần số tiền nợ trên mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Phạm Thái bình không đồng ý phương thức thanh toán nợ của đồng bị đơn. HĐXX căn cứ vào các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, xét thấy những tình tiết vụ án rõ ràng, bị đơn thừa nhận không phản đối những chứng cứ phía nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh. Các bên đương sự đều có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quan hệ tranh chấp về kinh thương mại. Khi hai bên xác lập mua bán phía bị đơn nhận đủ vật liệu xây dựng từ nguyên đơn; Bị đơn đã chậm trễ trong việc thanh toán và thanh toán không đầy đủ đối với nguyên đơn; Việc vi phạm này ít nhiều đã ảnh hưởng quyền, lợi ích của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50 Luật thương mại, nguyên đơn ông Lê Hoàng D yêu cầu ông Võ thành U (Đ), bà Nguyễn Thị Thanh L thanh toán số tiền vốn 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng) là có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

Đối với ý kiến của đồng bị đơn xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi dứt nợ, không được nguyên đơn đồng ý. Do đó, HĐXX không xem xét. Ý kiến của đồng bị đơn sẽ được xem xét giải quyết trong giai đoạn thi hành án

Đối với yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2017. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ Điều 5 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất của nguyên đơn đối với bị đơn

[3] Về án phí sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D được chấp nhận, nên không phải chịu án phí. Ông D được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông U (Đ), bà L phải có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm được quy định tại Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 50 Luật kinh doanh thương mại năm 2005;
- Điều 288 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26 nghị quyết 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D đối với ông Võ Thành U (Đ), bà Nguyễn Thị Thanh L

Buộc ông Võ Thành U (Đ), bà Nguyễn Thị Thanh L nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hoàng D số tiền vốn là 20.424.000đ (Hai mươi triệu, bốn trăm hai mươi bốn ngàn đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng D đối với yêu cầu tính lãi suất

2. Về án phí kinh doanh thương mại: Võ Thành U (Đ), bà Nguyễn Thị Thanh L phải chịu số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng)

Hoàn trả cho ông Lê Hoàng D số tiền 510.600đ (Năm trăm mười ngàn, sáu trăm đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000842 ngày 28/8/2017

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang